

VẬN DỤNG LUẬN ĐIỂM CỦA C. MÁC - V. LÊNIN VỀ VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

• TS. Hồ Xuân Quang^(*), ThS. Hoàng Việt Trung^(**)

Tóm tắt

Từ những luận điểm của C. Mác - V. Lênin về vấn đề ruộng đất và sở hữu ruộng đất trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta vận dụng linh hoạt và sáng tạo vào thực tiễn đất nước. Từ cuối những năm 80 của thế kỷ XX đến nay đã có nhiều chính sách về ruộng đất và sở hữu ruộng đất được Đảng thông qua, góp phần mở ra hướng sản xuất hàng hóa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn ở nước ta.

Từ khóa: nông nghiệp, nông thôn, ruộng đất, sở hữu.

1. Đặt vấn đề

Giải quyết vấn đề ruộng đất không chỉ đơn thuần là giải quyết mối quan hệ giữa con người với tư liệu sản xuất, mà đó còn là quá trình giải quyết mối quan hệ giữa con người với con người thông qua tư liệu sản xuất đó. Đối với Việt Nam, trong thời kỳ thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước, giải quyết vấn đề ruộng đất, phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng hàng hóa là một yêu cầu cấp thiết mang tính thời đại. Vận dụng những luận điểm của C. Mác - Lênin về vấn đề ruộng đất và sở hữu ruộng đất, từ Đại hội Đảng lần thứ IX đến nay, Đảng ta đã có nhiều bước phát triển và ngày càng hoàn thiện những chính sách về đất đai nói chung và đất nông nghiệp nói riêng. Trong đó, với mục tiêu mở đường cho kinh tế hàng hóa thâm nhập vào nông nghiệp, nông thôn nước ta đã minh chứng cho sự vận dụng sáng tạo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam và thể hiện bản lĩnh lãnh đạo của Đảng ta trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

2. Luận điểm của C. Mác - Lênin về vấn đề ruộng đất

Lịch sử phát triển của nông nghiệp gắn liền với quá trình con người khai thác, sử dụng các nguồn lực tự nhiên để trồng trọt và chăn nuôi nhằm đem lại các sản phẩm phục vụ đời sống của con người. Do vậy, nông nghiệp được xem là cái nôi sinh ra xã hội loài người, nuôi dưỡng xã hội loài người qua từng bước phát triển của lịch sử.

Trong nông nghiệp, đất đai giữ vai trò quan trọng nhất. Bởi lẽ, đất đai là tư liệu sản xuất chủ đạo mà thông qua đó người nông dân tiến hành sản xuất nông nghiệp; đồng thời, đất đai cũng là yếu tố môi trường quyết định hoạt động kinh doanh trong quá trình sản xuất nông nghiệp.

Khi nghiên cứu về sự phát sinh của địa tô tư bản chủ nghĩa, C. Mác đã đề cập đến vấn đề ruộng đất và các hình thức sở hữu ruộng đất đặc trưng, gắn liền với mỗi phương thức sản xuất trong lịch sử. Từ đó, C. Mác khẳng định bản chất của chế độ sở hữu ruộng đất nhỏ là “*hình thái sở hữu ruộng đất nhỏ, tự do của những nông dân tự canh tác ruộng đất của mình, với tư cách là hình thái bình thường chiếm ưu thế, là cái cơ sở kinh tế của xã hội ở những thời kỳ toàn thịnh của thời cổ đại cổ điển và mặt khác, chúng ta bắt gặp nó ở những dân tộc hiện đại với tư cách là một trong những hình thái bắt nguồn từ sự giải thể chế độ sở hữu phong kiến*” [6, tr. 525].

Như vậy, C. Mác đã chỉ ra rằng, chế độ sở hữu ruộng đất nhỏ, manh mún chỉ xuất hiện trong thời kỳ cổ đại hoặc nó chỉ là hình thức sở hữu phổ biến đối với những quốc gia vừa thoát thai ra khỏi chế độ phong kiến (ngoại trừ chế độ tư bản chủ nghĩa) hoặc còn đang chứa đựng những tàn dư của chế độ phong kiến. Đồng thời, C. Mác cũng chỉ ra những hạn chế của chế độ sở hữu ruộng đất nhỏ, manh mún: “*Do bản chất của nó, chế độ sở hữu nhỏ ruộng đất loại trừ sự phát triển những phương thức sản xuất xã hội của lao động, những hình thái của lao động, sự tập trung tư bản xã hội,*

^(*) Khoa Lý luận chính trị và hành chính, Trường Đại học Quy Nhơn.

^(**) Trường Trung học phổ thông Pleime, Chư Prông, Gia Lai.

việc chăn nuôi theo quy mô lớn, việc ứng dụng khoa học một cách tiến bộ vào nông nghiệp... các tư liệu sản xuất bị vô cùng phân tán, bản thân người sản xuất bị cô lập. Nhân lực bị lãng phí rất ghê gớm. Các điều kiện sản xuất ngày càng xấu đi, và tư liệu sản xuất ngày càng đắt, đó là một quy luật tất yếu của chế độ sở hữu nhỏ” [6, tr. 523]. Nếu duy trì chế độ sở hữu nhỏ về đất đai sẽ dẫn đến tình trạng tư liệu sản xuất cơ bản nhất của người nông dân ngày càng bị thu hẹp và manh mún, làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc phân công lao động trong xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xã hội. Do vậy, điều quan trọng là phải tiến hành tổ chức sản xuất nông nghiệp theo quy mô lớn, một nền đại nông nghiệp mà ở đó: “*người nông dân trở thành một nhà tư bản nhỏ*” [6, tr. 522]. Ở đó, các quyền sở hữu, chiếm hữu và sử dụng ruộng đất phải được phát huy tối đa và sự manh mún về ruộng đất không còn là hiện tượng phổ biến, ngăn cản sự phát triển kinh tế nông nghiệp về mọi mặt.

Chính vì tầm quan trọng của ruộng đất trong sản xuất nông nghiệp, nên việc giao quyền sử dụng đất nông nghiệp và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp cần phải đảm bảo những yếu tố công bằng xã hội. Trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, yêu cầu về phân phối và sử dụng ruộng đất càng trở nên quan trọng. Nhà nước xã hội xã hội chủ nghĩa phải có nghĩa vụ tổ chức trong nông nghiệp một phương thức sản xuất lớn, phương thức xã hội chủ nghĩa đó phải là một phương thức tiên tiến. Bởi lẽ, “*kinh tế tiểu nông không phải là hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp phù hợp với chủ nghĩa xã hội, sản xuất tiểu nông luôn đi liền với một phương thức sản xuất lạc hậu và tự phát*” [4, tr. 271]. Duy trì nền sản xuất tiểu nông trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội sẽ là vật cản cho sự phát triển kinh tế xã hội. V. Lênin đã nhận định rằng: “*...nền kinh tế tiểu nông vẫn còn là một nền kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa. Đó là một cơ sở vô cùng rộng lớn của chủ nghĩa tư bản tự duy trì được và phục hồi lại trong cuộc đấu tranh ác liệt chống chủ nghĩa cộng sản*” [4, tr. 272].

Cũng theo V. Lênin, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề nông nghiệp và ruộng đất phải được thực hiện bằng biện pháp: “*cải tạo lại toàn bộ nền kinh tế xã hội bằng cách chuyển*

từ nền kinh tế hàng hóa nhỏ, cá nhân, riêng lẻ sang nền kinh tế tập thể lớn” [4, tr. 273]. Theo đó, nền kinh tế tập thể sẽ tập hợp được tư liệu sản xuất của toàn bộ nông dân vào trong hợp tác xã, quan trọng hơn đó là ruộng đất được tập hợp lại với quy mô lớn, phát triển kinh tế hàng hóa trong sản xuất nông nghiệp. Chính sách hợp tác xã một khi thành công sẽ giúp cho nền kinh tế nhỏ phát triển và sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế nhỏ quá độ lên nền đại sản xuất trên cơ sở tự nguyện kết hợp.

Cũng theo V. Lênin, hợp tác xã nông nghiệp được coi như là một hình thái của chủ nghĩa tư bản nhà nước, nó hoàn toàn có lợi trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Bởi lẽ, cùng với sự hình thành các hợp tác xã nông nghiệp - một hình thái của chủ nghĩa tư bản nhà nước, chế độ trưng thu lương thực đã bị xoá bỏ, thay vào đó là chế độ thuế lương thực; từ đó, người nông dân có sự tự do buôn bán lương thực dư thừa, ít nhất cũng là trong địa phương họ sinh sống sau khi đã nộp đủ thuế cho nhà nước.

Từ nhận thức sâu sắc về vai trò của kinh tế nông nghiệp và ruộng đất trong sản xuất nông nghiệp trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. V. Lênin đã khẳng định rằng:

“*Cần phải bắt đầu từ nông dân. Người nào không hiểu điều đó, người nào có ý coi đưa vấn đề nông dân lên hàng đầu như thế là một sự “tự bỏ” hoặc tương tự như sự từ bỏ chuyên chính vô sản thì chẳng qua chỉ là vì người đó không chịu suy nghĩ kỹ càng vấn đề đó và bị lời nói trống rỗng chi phối*” [5, tr. 263]. Điều mà giai cấp vô sản với tư cách là giai cấp lãnh đạo, thống trị phải biết hướng chính sách vào việc giải quyết trước tiên, vấn đề cấp thiết nhất là những biện pháp khôi phục lực lượng sản xuất của kinh tế nông nghiệp, đó phải là một nền sản xuất quy mô lớn, sản xuất hàng hóa để từ đó thúc đẩy kinh tế phát triển.

3. Chính sách ruộng đất ở Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH

Đối với Việt Nam, nông nghiệp là một nền tảng cơ sở vững chắc của nền kinh tế, trong đó nông dân là lực lượng lao động chủ đạo của nền kinh tế đó. Do vậy, giải quyết vấn đề ruộng đất là nhiệm vụ vừa mang tính chiến lược vừa mang tính sách lược xuyên suốt của Đảng ta. Nhất là

trong giai đoạn cả nước tập trung xây dựng và phát triển theo con đường CNH, HĐH thì yêu cầu giải quyết một cách triệt để vấn đề sở hữu và sử dụng ruộng đất trong sản xuất nông nghiệp, tạo nền tảng cho kinh tế nông nghiệp phát triển ổn định và bền vững, giải quyết những bất ổn trong an ninh nông thôn là một nhiệm vụ trọng tâm và then chốt. Từ Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương (BCHTƯ) khóa VII (năm 1992) và việc thông qua Luật Đất đai (năm 1993), Đảng, Nhà nước ta đã chính thức giao quyền sử dụng đất lâu dài cho hộ nông dân, người nông dân không chỉ được quyền sử dụng mà còn được quyền thừa kế, thế chấp, chuyển nhượng, cho thuê đất đai. Với những quyền hạn này, người nông dân đã trở thành chủ sở hữu chính tư liệu sản xuất của mình, chủ động phát triển kinh tế hộ gia đình, đồng thời những quyền hạn về sở hữu và sử dụng đất đai của người nông dân được thể chế hóa bằng pháp luật đã tạo tâm lý yên tâm phát triển kinh tế hộ gia đình.

Để phát triển đất nước theo hướng CNH, HĐH thì yêu cầu phải có một nền nông nghiệp hiện đại, sản xuất lớn, sản phẩm nông nghiệp phải đáp ứng phục vụ công nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên, nhìn tổng thể cơ cấu nông nghiệp nước ta kể từ sau *Khoán 10* (năm 1988) vẫn còn nhiều hạn chế, như chuyển dịch chậm, chưa gắn bó có hiệu quả với thị trường, nông nghiệp chỉ thiên về trồng trọt: “*Công nghiệp nông thôn phát triển chậm, nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản vừa thiếu lại vừa yếu và phần lớn còn lạc hậu*” [1, tr. 89]. Thêm vào đó, thực trạng tư liệu sản xuất trong nông nghiệp còn quá lạc hậu, nhất là ruộng đất của người nông dân thì manh mún, phân tán, quy mô nhỏ mang tính chất nền nông nghiệp tiểu nông đang trở thành hiện tượng phổ biến. Tình trạng manh mún ruộng đất của người nông dân thể hiện trên hai phương diện, manh mún về mặt ô thửa và manh mún cả về mặt diện tích trên một thửa đất. Chỉ tính riêng ở Đồng bằng sông Hồng năm 1998, có khoảng 672.000 ha đất nông nghiệp phân cho 2.643.000 hộ sử dụng, bình quân chỉ có 0.25 ha/hộ; khoảng 625m²/khẩu nông nghiệp. Theo số liệu của Tổng cục địa chính, trung bình một hộ ở Đồng bằng sông Hồng có 7 - 8 mảnh ruộng (cá biệt có tới 25 mảnh), như vậy mỗi mảnh

trung bình chỉ rộng 317m² (cá biệt có mảnh chưa đầy 10m²).

Từ thực tiễn cho thấy, nếu cứ duy trì những chủ trương, chính sách về ruộng đất như trước đây sẽ không tạo động lực cho kinh tế nông nghiệp phát triển theo xu hướng chung của thời đại, đồng thời nó còn là nguyên nhân dẫn đến tình trạng bất ổn định an ninh nông thôn, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người nông dân. Để khắc phục tình trạng đó, Hội nghị lần thứ 5 BCHTƯ khóa IX (năm 2003) đã thông qua Nghị quyết số 15-NQ/TW “*về đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn thời kỳ 2001 - 2010*”, trong đó xác định rõ mục đích: “*Xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, hiệu quả và bền vững*” [2, tr. 1982]. Nghị quyết đã đề ra các giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp, trong đó nổi bật là: “*khuyến khích nông dân thực hiện “đồn điền, đổi thửa” trên cơ sở tự nguyện*”. Đồn điền, đổi thửa được hiểu là quá trình đồn, đổi hoặc sát nhập ruộng đất của các chủ sở hữu khác nhau thành một chủ sở hữu mới với một quy mô ruộng đất rộng lớn hơn. Mục đích của việc đồn điền, đổi thửa là xóa bỏ tình trạng manh mún trong ruộng đất nông nghiệp trên cả hai phương diện, manh mún về số lượng ô thửa và manh mún về mặt diện tích trên một thửa ruộng. Quá trình đồn, đổi ruộng đất luôn gắn liền với quy hoạch và sử dụng ruộng đất theo hướng phát triển kinh tế hàng hóa. Đồng thời, quá trình này cũng không làm thay đổi các quyền hạn về mặt sử dụng cũng như sở hữu ruộng đất của nông dân đã được pháp luật quy định.

Nam Định là một trong những tỉnh điển hình nhất ở Đồng bằng sông Hồng lấy đồn điền, đổi thửa làm giải pháp then chốt để thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH, HĐH. Từ thực trạng manh mún ruộng đất ở Nam Định kể từ sau khi thực hiện Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IV, trung bình mỗi nông hộ sở hữu ít nhất 3,1 thửa/hộ, có hộ sở hữu tới 10,9 thửa/hộ, đi kèm với sự manh mún về ô thửa là sự manh mún về diện tích trên mỗi ô thửa đó, bình quân mỗi thửa ruộng chỉ rộng 228m²/thửa trong khi yêu cầu diện tích để sản xuất nông nghiệp phải đạt từ 450m²/thửa trở lên.

Từ năm 2002 - 2003, Nam Định đã tiến hành

dồn điền, đổi thửa trên diện rộng. Kết quả từ công tác dồn điền, đổi thửa đã có những chuyển biến

cơ bản cả về số lượng ô thửa cũng diện tích trên mỗi ô thửa.

Bảng 1. So sánh tình hình ruộng đất ở Nam Định trước và sau khi tiến hành dồn điền, đổi thửa giai đoạn 2002 - 2003 [7, tr. 49]

Tên Xã	Trước khi dồn điền, đổi thửa			Sau khi dồn điền, đổi thửa		
	Tổng số thửa	m ² /thửa	Thửa/hộ	Tổng số thửa	m ² /thửa	Thửa/hộ
Yên Hồng	17.188	232,57	11,19	6.349	629,6	4,13
Yên Nghĩa	18.202	194,90	10,6	9.088	390,4	5,31
Yên Trung	52.740	124,41	30,4	9.493	691,2	5,40
Trực Hùng	12.205	360,0	5,45	3.838	620,0	1,68
Cổ Lễ	10.359	468,0	4,49	1.891	689,0	2,40
Nghĩa Đồng	3.335	216,0	6,30	325,5	596,0	2.76

Gắn liền với dồn điền, đổi thửa trên đồng ruộng, Nam Định còn tiến hành quy hoạch và chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, quy mô lớn đã mang lại những hiệu quả kinh tế lớn đối với nông nghiệp, nông dân và nông thôn Nam Định. Không những ổn định đất nông nghiệp đảm bảo an ninh lương thực mà còn hình thành nhiều mô hình sản xuất mới như: “*mô hình Lúa - Dưa từ tháng 9 đến tháng 12 tiến hành trồng dưa Bao Tử vụ đông xuất khẩu. Thu nhập từ dưa Bao Tử đạt từ 100 triệu đến 200 triệu đồng/ha; mô hình chuyên canh màu và trồng hoa cây cảnh, tính đến thời điểm năm 2010, toàn tỉnh Nam Định có 1000ha đất trồng hoa, cây cảnh bao gồm cả đất vườn, đất ruộng đã chuyển đổi với mức thu nhập 300 tỷ đồng/năm; trong đó, huyện Nam Trực chiếm 175 tỷ đồng, huyện Hải Hậu chiếm 86 tỷ đồng*” [7, tr. 75-76]. Những mô hình sản xuất mới theo hướng gia trại đã mang lại thu nhập kinh tế cao cho các nông hộ, hình thành nên “những cánh đồng trăm triệu” sau dồn điền, đổi thửa.

Có thể nói, dồn điền, đổi thửa là “chìa khóa” để nông nghiệp nước ta mở ra hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, đồng thời thể hiện một bước phát triển trong tư duy lãnh đạo, mang tính đột phá của Đảng khi giải quyết vấn đề nông nghiệp,

nông thôn. Thực hiện dồn điền, đổi thửa sẽ tạo ra những cánh đồng mẫu lớn, xóa bỏ sự manh mún, tiểu nông trong sản xuất nông nghiệp. Đồng thời dồn điền, đổi thửa tạo điều kiện cho người nông dân ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất, thuận lợi cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, hình thành các vùng chuyên canh sản xuất phục vụ cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Ngoài ra, dồn điền, đổi thửa còn góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, quy hoạch đất đai, xây dựng nông thôn mới theo hướng CNH, HĐH.

Tiếp tục đường lối phát triển một nền kinh tế nông nghiệp theo hướng hàng hóa, đồng thời phải gắn liền với xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn và giải quyết việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn, Hội nghị lần thứ 7 BCH TƯ khóa X đã thông qua Nghị quyết số 26-NQ/TƯ về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó xác định mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài. Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp,

dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định.

Riêng về lĩnh vực đất đai, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa X) xác định: “*tiếp tục khẳng định đất đai là sở hữu toàn dân, Nhà nước thống nhất quản lý theo quy hoạch, kế hoạch để sử dụng có hiệu quả; giao đất cho hộ gia đình sử dụng lâu dài; mở rộng hạn mức sử dụng đất; thúc đẩy quá trình tích tụ đất đai; công nhận quyền sử dụng đất được vận động theo cơ chế thị trường*” [3, tr. 500].

Mới đây, Hội nghị lần thứ 6 BCH TƯ khóa XI đã có những quy định cụ thể về quyền sử dụng đất trong thời kỳ CNH, HĐH: người sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất để sử dụng ổn định lâu dài hoặc có thời hạn và có các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng

đất và được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XI) đã thể hiện những bước tiến quan trọng trong đổi mới nhận thức, phát triển tư duy và thể chế hóa thành hành động, thực tiễn của Đảng ta về vấn đề sở hữu, quản lý và sử dụng đất đai theo hướng từng bước phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

4. Kết luận

Như vậy, thừa nhận quyền sở hữu về tư liệu sản xuất (đất đai) ổn định, lâu dài và đưa kinh tế hàng hóa vào trong nông nghiệp đã thể hiện sự sáng tạo và cách mạng của Đảng ta khi giải quyết vấn đề ruộng đất và sở hữu ruộng đất, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế nông nghiệp trong thời kỳ CNH, HĐH. Đồng thời cũng khẳng định quy luật phát triển trên nền tảng ban đầu từ nông nghiệp là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn nước ta./

Tài liệu tham khảo

- [1]. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương (2002), *Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu, học tập các nghị quyết hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), *Văn kiện Đảng về phát triển nông nghiệp*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), *Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa X, (Hội nghị lần thứ ba, tư, năm, sáu, bảy và chín)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4]. V. Lênin, I.V. Xtalin (1975), *Về những quy luật kinh tế trong chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự thật, Hà Nội.
- [5]. Lênin (1978), *Toàn tập*, Tập 43, NXB Tiến bộ.
- [6]. C. Mác và Ph. Ăng-ghen (1994), *Toàn tập*, Tập 25 phần II, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7]. Hoàng Việt Trung (2012), *Quá trình dồn điền, đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp ở Nam Định (2002-2010)*, Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, Trường Đại học Quy Nhơn.

APPLYING MARXIST-LENINIST ARGUMENTS ABOUT LAND AND LAND OWNERSHIP TO ACCELERATING THE NATIONAL INDUSTRIALIZATION, MODERNIZATION IN THE CURRENT CIRCUMSTANCES

Summary

Basing on Marxist-Leninist arguments about land and land ownership in the transition to socialism, Vietnam's Communist Party has been flexibly and creatively applying these to the practice of operating the country since the late 80s of the 20th century with many approved land and land ownership policies which have given favourable conditions for goods-producing trends aiming to accelerate the industrialization and agricultural modernization in our country's rural areas.

Keywords: agriculture, land, land ownership, rural areas.